

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS - ST
Ngày 20- 5- 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản trên đất, yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản, buộc
chấm dứt hành vi cản trở hoạt động
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khiêm;

Bà Hoàng Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Slinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, buộc chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐ-TA ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Hứa Văn S (đã chết) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lương Thị X, sinh năm 1971; có mặt.

+ Anh Hứa Văn H, sinh năm 2004; có mặt.

+ Bà Vi Thị N, sinh năm 1950; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Hứa Thị Mai H, sinh năm 2001; đăng ký thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn S, sinh năm 1989, cư trú tại: Thôn S (trước đây là thôn K), xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn- người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Phương T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Quyết định số: 1214/QĐ-UBND, ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự); vắng mặt.

+ Ông Hứa Văn T, sinh năm 1972; vắng mặt.

+ Bà Vi Thị M, sinh năm 1975; vắng mặt.

+ Anh Hứa Văn K, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 của nguyên đơn ông Hứa Văn S (đã chết), trong những lời trình bày có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Lương Thị X trình bày:

Năm 1995, gia đình ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X được Ủy ban nhân dân huyện L giao đất, giao rừng để trồng cây thông theo dự án 327, có địa danh, địa điểm: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1995, gia đình bà Lương Thị X đã trồng cây thông theo dự án. Đồng thời, gia đình bà cũng sử dụng khu ruộng ngay dưới chân đồi nhưng sau đó đã chuyển nhượng toàn bộ khu ruộng cho gia đình bị đơn Vi Văn S.

Năm 2011, gia đình bà Lương Thị X được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, số vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn S (chết năm 2023) và bà Lương Thị X. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 thì hộ ông Hứa Văn S (chết năm 2023) và bà Lương Thị X gồm có các thành viên là: Ông Hứa Văn S (chết năm 2023), bà Lương Thị X, chị Hứa Thị Mai H, anh Hứa Văn H.

Ông Hứa Văn S chết năm 2023, những người thừa kế của ông Hứa Văn S là bà Vi Thị N (mẹ đẻ), bà Lương Thị X (vợ), chị Hứa Thị Mai H (con đẻ), anh Hứa Văn H (con đẻ). Bố đẻ của ông Hứa Văn S là ông Hứa Văn Đăng chết năm 2016. Ngoài ra, ông Hứa Văn S không có bố mẹ nuôi, không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Năm 2014, gia đình ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X khai thác cây thông trồng theo dự án tại PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để mang bán rồi tiếp tục phát dọn, trồng cây bạch đàn trên đất. Do đất rừng PK nêu trên

tiếp giáp với khu ruộng của ông Vi Văn S nên gia đình bà Lương Thị X không trồng bạch đàn hết đất mà cách một khoảng đất trống để không ảnh hưởng tới việc canh tác đất ruộng của ông Vi Văn S. Sau đó, khoảng giữa năm 2022 gia đình bà Lương Thị X tiếp tục trồng các cây bạch đàn. Vào tháng 8 năm 2022, ông Vi Văn S nhổ khoảng 200 cây bạch đàn mới trồng của gia đình bà Lương Thị X và tự ý trồng khoảng 250 cây bạch đàn trên đất rừng của gia đình bà Lương Thị X. Tranh chấp giữa gia đình bà Lương Thị X đã được Ủy ban nhân dân xã Đông Quan hoà giải nhưng không thành. Do đó, ông Hứa Văn S (đã chết) khởi kiện ra Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án thì ông Hứa Văn S chết vào cuối năm 2023. Nay, bà Lương Thị X cùng anh Hứa Văn H, chị Hứa Thị Mai H và bà Vi Thị N là những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Hứa Văn S, đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông Hứa Văn S.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Lương Thị X nhất trí với kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ, kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 23, 26 và 27 tháng 02 năm 2024. Bà Lương Thị X xác định tổng diện tích đất tranh chấp với ông Vi Văn S là 2.719m², gồm các diện tích sau: Diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096, diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, là đất rừng sản xuất có giá là 9.000 đồng/m²; tài sản trên đất là 215 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm, có giá là 32.000 đồng/1 cây, 40 cây bạch đàn mới trồng có giá là 11.000 đồng/1 cây; địa chỉ: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Lương Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

(1) Hộ bà Lương Thị X gồm các thành viên là bà Lương Thị X, bà Vi Thị N, anh Hứa Văn H và chị Hứa Thị Mai H được quản lý, sử dụng diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (2) Yêu cầu hộ bà Lương Thị X được sở hữu các cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bà Lương Thị X tự nguyện thanh toán 30% giá trị 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho ông Vi Văn S theo kết quả định giá là 2.848.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). (3) Bà Lương Thị X yêu cầu ông Vi Văn S bồi thường thiệt hại 40 cây bạch đàn mới trồng là 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho hộ bà Lương Thị X, do ông Vi Văn S chỉ thừa nhận nhổ 40 cây bạch đàn. (4) Bà Lương Thị X rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên phần đất này là 126 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm. (5) Bà Lương Thị X yêu cầu giải quyết về chi phí tố tụng theo quy định. (6) Buộc ông Vi Văn S chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của gia đình bà Lương Thị X. (7) Đề nghị miễn án phí vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hứa Văn H cùng ý kiến, yêu cầu với bà Lương Thị X.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2024, bị đơn ông Vi Văn S trình bày gia đình bị đơn có khu đất ruộng giáp với khe đồi PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cuối năm 2022 thì bị đơn ông Vi Văn S có được nhỏ 40 cây bạch đàn mới trồng của gia đình ông Hứa Văn S, bà Lương Thị X. Cuối năm 2022 thì ông Vi Văn S trồng các cây bạch đàn trên phần đất đồi giáp với khu ruộng của ông Vi Văn S. Do các hộ gia đình có đất đồi ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Nay, ông Vi Văn S mong muốn được tiếp tục chăm sóc các cây bạch đàn đã trồng vào năm 2022 đến năm 2028 thì khai thác cây và trả lại đất cho nguyên đơn. Trường hợp nguyên đơn không nhất trí với ý kiến của ông Vi Văn S thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và miễn án phí cho ông Vi Văn S theo quy định vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn gồm bà Vi Thị N, chị Hứa Thị Mai H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn T, bà Vi Thị M và anh Hứa Văn K cùng ý kiến, yêu cầu với bà Lương Thị X.

Tại các văn bản trả lời, Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp thông tin: Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, số vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn S (chết năm 2023) và bà Lương Thị X; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594166, số vào sổ cấp GCN: CH00819 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn T và bà Vi Thị M (tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Vi Thị Mụ nhưng thực tế là Vi Thị M) đối với thửa đất số 1096 tờ bản đồ địa chính số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ năm 1995 đến tháng 8/2022, gia đình ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X đã quản lý đất tranh chấp diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Việc quản lý đất của gia đình ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X được thể hiện qua việc không cho ai được sử dụng đất và được các hộ dân có đất giáp ranh thừa nhận và không có tranh chấp. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, số vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 đối với thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 và Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Hứa Văn S (đã chết) là bà Lương Thị X, anh Hứa Văn H, chị Hứa Thị Mai H và bà Vi Thị N như sau:

Hộ bà Lương Thị X được quản lý, sử dụng diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu các cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị X về nghĩa vụ thanh toán 30% giá trị 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho ông Vi Văn S theo kết quả định giá là 2.848.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Buộc ông Vi Văn S bồi thường thiệt hại 40 cây bạch đàn mới trồng là 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho hộ bà Lương Thị X. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên phần đất này là 126 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm do những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn rút yêu cầu. Buộc ông Vi Văn S chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của gia đình bà Lương Thị X. Đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định và miễn án phí cho bà Lương Thị X vì là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:
Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền nhưng không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng theo sự triệu tập. Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hộ bà Lương Thị X được quản lý, sử dụng diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu các cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị X về nghĩa vụ thanh toán 30% giá trị 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho ông Vi Văn S theo kết quả định giá là 2.848.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Buộc ông Vi Văn S bồi thường thiệt hại 40 cây bạch đàn mới trồng là 440.000

đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho hộ bà Lương Thị X. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên phần đất này là 126 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm do những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn rút yêu cầu. Buộc ông Vi Văn S chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của gia đình bà Lương Thị X. Đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định và miễn án phí cho bà Lương Thị X, ông Vi Văn S vì là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Vi Văn S không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai; vắng mặt những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là Vi Thị N, chị Hứa Thị Mai H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn T, bà Vi Thị M và anh Hứa Văn K, người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, yêu cầu của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, buộc chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất”. Đất tranh chấp tại PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 6 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về đất tranh chấp và tài sản trên đất: Đương sự nhất trí với kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ, kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 23, 26 và 27 tháng 02 năm 2024, xác định tổng diện tích đất tranh chấp với ông Vi Văn S là 2.719m², gồm các diện tích sau: Diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096, diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất là 215 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm (trong đó có 89 cây bạch đàn trên diện tích đất thuộc thửa 1098 và 126 cây bạch đàn trên diện tích đất thuộc thửa 1096); địa chỉ: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Lương Thị X rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên phần đất này là 126 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi

kiện này.

[5] Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất đối với diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Các đương sự đều thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc là do Ủy ban nhân dân huyện L giao đất cho hộ ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X từ năm 1995 để trồng thông theo Dự án 327; đến năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hứa Văn S và bà Lương Thị X. Gia đình bà Lương Thị X đã liên tục quản lý diện tích đất này, trồng các cây bạch đàn trên đất. Vào tháng 8 năm 2022, bị đơn ông Vi Văn S đã nhổ 40 cây bạch đàn của nguyên đơn và đến cuối năm 2022 thì ông Vi Văn S trồng bạch đàn trên đất tranh chấp. Bị đơn ông Vi Văn S có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc các cây bạch đàn đã trồng vào năm 2022 cho đến năm 2028 thì khai thác cây bạch đàn, trả đất cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không nhất trí. Như vậy có căn cứ xác định lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là có căn cứ và được bị đơn thừa nhận sẽ trả lại đất.

[6] Gia đình nguyên đơn ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, sổ vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn S (chết năm 2023) và bà Lương Thị X đối với thửa đất thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn ông Vi Văn S không đăng ký kê khai, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993), Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Việc xác lập quyền sử dụng đất của Nhà nước cho cá nhân, hộ gia đình qua các thời kỳ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đều căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

[8] Hộ ông Hứa Văn S (đã chết) và bà Lương Thị X có quá trình quản lý, sử dụng đất liên tục, ổn định, lâu dài, không có tranh chấp từ năm 2011 đến 2022; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, sổ vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn S (chết năm 2023) và bà Lương Thị X đối với thửa đất thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.*” Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, sổ vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp cho hộ ông Hứa Văn S và bà Lương Thị X đối với diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của bà Lương Thị X là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị đơn ông Vi Văn S thừa nhận nhờ 40 cây bạch đàn mới trồng của hộ bà Lương Thị X, gây thiệt hại về tài sản cho hộ bà Lương Thị X nên phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Do đó, bà Lương Thị X yêu cầu bị đơn ông Vi Văn S phải bồi thường cho hộ bà Lương Thị X giá trị 40 cây bạch đàn mới trồng là 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị đơn Vi Văn S không có quyền sử dụng đất nhưng tự ý trồng 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm trên đất tranh chấp là không đúng quy định của pháp luật. Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Lương Thị X thay đổi yêu cầu di dời tài sản thành yêu cầu sở hữu 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm trên đất và tự nguyện thanh toán cho bị đơn 30% giá trị 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm là 854.400 đồng (tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng). Hội đồng xét xử xét thấy các cây bạch đàn trên đất tranh chấp đã lớn, việc di dời sẽ gặp khó khăn khi thi hành án, không đảm bảo giá trị kinh tế của tài sản trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thanh toán của bà Lương Thị X về nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn 30% giá trị 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm là 854.400 đồng (tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

[11] Tại phiên toà, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật đất đai về quyền của người sử dụng đất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Lương Thị X đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền 12.223.000 đồng (mười hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng), bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.650.000 đồng, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất và chồng ghép bản đồ là 10.583.000 đồng cho toàn bộ diện tích 2.719m². Do các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng nên căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Lương Thị X phải chịu chi phí tố tụng là 7.345.488 đồng (bảy triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) tương ứng với việc rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.369m², diện tích 181m², diện tích 84m² thuộc một phần thửa đất số 1096 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, xác nhận đã thi hành xong. Bị đơn ông Vi Văn S phải chịu chi phí tố tụng là 4.877.512 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười hai đồng) tương ứng với yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ

bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lương Thị X số tiền chi phí tố tụng là 4.877.512 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười hai đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 3, khoản 1, 2 Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 189, Điều 221, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 6 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 4 Điều 157, khoản 1, 4 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hộ bà Lương Thị X gồm các thành viên bà Lương Thị X, bà Vi Thị N, anh Hứa Văn H và chị Hứa Thị Mai H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.085m² thuộc một phần thửa đất số 1098 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RST); địa chỉ: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594162, số vào sổ cấp GCN: CH00678 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn S (chết năm 2023) và bà Lương Thị X; diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A9-A10 thể hiện tại Trích đo số 04A-2024 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

1.2. Hộ bà Lương Thị X gồm các thành viên bà Lương Thị X, bà Vi Thị N, anh Hứa Văn H và chị Hứa Thị Mai H được sở hữu 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm trên đất nêu tại mục 1.1. Bà Lương Thị X có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn ông Vi Văn S 30% giá trị của 89 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm là 854.400 đồng (tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

1.3. Bị đơn ông Vi Văn S có nghĩa vụ bồi thường cho hộ bà Lương Thị X gồm các thành viên bà Lương Thị X, bà Vi Thị N, anh Hứa Văn H và chị Hứa Thị Mai H giá trị 40 cây bạch đàn mới trồng là 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.4. Hộ bà Lương Thị X gồm các thành viên bà Lương Thị X, bà Vi Thị N, anh Hứa Văn H và chị Hứa Thị Mai H có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai theo quy định.

1.5. Buộc bị đơn ông Vi Văn S phải chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của hộ bà Lương Thị X gồm các thành viên bà Lương Thị X, bà Vi Thị N, anh Hứa Văn H và chị Hứa Thị Mai H đối với diện tích đất tranh chấp nêu tại mục 1.1.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế của nguyên đơn đối với yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.369m² (ký hiệu thửa tạm 196.1, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A2-A3-A4-A11-A12-A7-A8-A9), diện tích 181m² (ký hiệu thửa tạm 196.2, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A4-A5-A12-A11), diện tích 84m² (ký hiệu thửa tạm 196.3 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A5-A6-A7-A12) cùng thuộc một phần thửa đất số 1096 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên phần đất này là 126 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RST); địa chỉ: PK, Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594166, số vào sổ cấp GCN: CH00819 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Hứa Văn T và bà Vi Thị M (tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Vi Thị M nhưng thực tế là Vi Thị M); diện tích đất được thể hiện tại Trích đo số 04A-2024 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử do người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn rút yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Lương Thị X phải chịu chi phí tố tụng là 7.345.488 đồng (bảy triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng). Xác nhận bà Lương Thị X đã thi hành xong.

Bị đơn ông Vi Văn S phải chịu chi phí tố tụng là 4.877.512 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười hai đồng). Bị đơn ông Vi Văn S có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng là 4.877.512 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười hai đồng).

4. Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Lương Thị X và bị đơn ông Vi Văn S được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang

